



## **BÁO CAO TÀI CHÍNH**

**TỔNG CÔNG TY**

**CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

**CAO SU CÔNG NGHIỆP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-20
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09-20



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cao su Công nghiệp, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo Quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4704000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty: Số 14, đường 21 tháng 04, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/09/2013
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/09/2013
Ông Nguyễn Đăng Tấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2013
Ông Đỗ Tấn Điềm	Ủy viên	
Ông Hồ Văn Hồng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đăng Tấn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2013
Ông Đào Phi Hùng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2013
Ông Đỗ Tấn Điềm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2013
Ông Trương Đức Doong	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2013

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;







Số: 168 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp được lập ngày 24 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-13-002-1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Lâm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1859-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>110.119.095.336</b>	<b>97.493.373.055</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	89.136.693.002	78.890.000.089
111	1. Tiền		89.136.693.002	78.890.000.089
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		-	310.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		-	310.000.000
140	IV. Hàng tồn kho	4	19.894.634.281	18.273.572.966
141	1. Hàng tồn kho		19.894.634.281	18.273.572.966
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.087.768.053	19.800.000
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	5	1.087.768.053	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	19.800.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>66.451.371.010</b>	<b>64.399.239.267</b>
220	II. Tài sản cố định		21.451.371.010	19.399.239.267
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	14.970.914.184	11.024.145.752
222	- Nguyên giá		33.305.040.953	28.827.055.456
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.334.126.769)	(17.802.909.704)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	6.480.456.826	8.375.093.515
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	45.000.000.000	45.000.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		45.000.000.000	45.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>176.570.466.346</b>	<b>161.892.612.322</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		14.674.445.775	15.313.041.262
310	I. Nợ ngắn hạn		14.674.445.775	15.313.041.262
312	2. Phải trả người bán		77.580.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	1.597.118.086	4.310.869.416
315	5. Phải trả người lao động		2.124.310.075	3.581.905.798
316	6. Chi phí phải trả	10	50.000.000	44.000.000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.825.437.614	7.376.266.048
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		161.896.020.571	146.579.571.060
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	161.896.020.571	146.579.571.060
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		52.230.123.372	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	20.693.633.525
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.330.667.908	24.550.708.244
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		1.335.229.291	1.335.229.291
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>176.570.466.346</u>	<u>161.892.612.322</u>

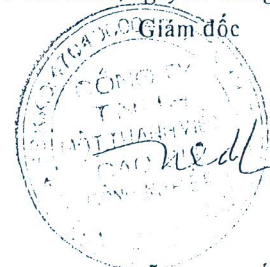
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Đăng Tấn



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	65.534.240.000	78.291.120.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.534.240.000	78.291.120.000
11	4. Giá vốn hàng bán	13	40.483.369.961	46.804.657.566
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.050.870.039	31.486.462.434
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	7.738.916.290	10.209.008.092
23	8. Chi phí bán hàng	15	296.277.647	358.448.328
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	7.693.569.528	7.355.669.353
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.799.939.154	33.981.352.845
31	11. Thu nhập khác	17	5.825.906.615	9.090.830.000
32	12. Chi phí khác	18	211.260.866	373.720.263
40	13. Lợi nhuận khác		5.614.645.749	8.717.109.737
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.414.584.903	42.698.462.582
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	7.128.646.226	10.674.615.645
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>23.285.938.677</u>	<u>32.023.846.937</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

*M.T.*

*Nguyễn Văn Hùng*



Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Đăng Tấn



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.414.584.903	42.698.462.582
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.146.895.028	883.339.556
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.556.495.425)	(18.910.617.829)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		19.004.984.506	24.671.184.309
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		329.800.000	(293.498.500)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.621.061.315)	3.282.029.093
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.072.172.777)	1.206.225.737
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.087.768.053)	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.144.240.502)	(13.153.957.883)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		306.694.851	104.199.406
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.146.571.632)	(20.060.980.879)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(430.334.922)	(4.244.798.717)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.089.258.455)	(3.151.168.893)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.027.370.000	9.067.420.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	50.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.738.916.290	10.209.008.092
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.677.027.835	16.125.259.199
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(41.254.784.434)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(41.254.784.434)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.246.692.913	(29.374.323.952)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		78.890.000.089	108.264.324.041
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	89.136.693.002	78.890.000.089

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng

Giám đốc  
  
 Nguyễn Đăng Tấn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1 THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cao su Công nghiệp, là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo Quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4704000040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty: Số 14, đường 21 tháng 04, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Trồng cây cao su: Sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây cao su. Khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), cao su Crepes;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh sản phẩm gỗ cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn sản phẩm (mủ) cao su;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn củi cao su;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn phát triển cao su dân doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

### 2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CHÍNH SÁCH  
KẾ TOÁN



### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	04 - 08 năm
- Vườn cây lâu năm	20 - 25 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm toàn bộ các chi phí trồng và chăm sóc vườn cây xây dựng cơ bản.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2013.

## 2.11 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.12 . Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	279.293.000	333.658.000
Tiền gửi ngân hàng	88.857.400.002	78.556.342.089
	<u>89.136.693.002</u>	<u>78.890.000.089</u>

4 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	699.755.385	653.607.310
Công cụ, dụng cụ	131.301.690	24.058.744
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.063.577.206	219.211.667
Thành phẩm	-	17.376.695.245
	<u>19.894.634.281</u>	<u>18.273.572.966</u>

5 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Chi phí đo đạc, cắm mốc ranh giới Công ty	887.768.053	-
Chi phí quảng cáo năm 2013 - 2014	200.000.000	-
	<u>1.087.768.053</u>	<u>-</u>

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.529.963.896	948.811.107	5.384.595.361	196.403.700	18.767.281.392	28.827.055.456
Số tăng trong năm	468.772.000	128.589.818	1.510.345.455	-	3.219.188.460	5.326.895.733
- Mua trong năm	-	-	1.510.345.455	-	-	1.510.345.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành	468.772.000	128.589.818	-	-	3.219.188.460	3.816.550.278
Số giảm trong năm	(257.372.293)	(92.092.307)	(124.838.042)	(117.992.700)	(256.614.894)	(848.910.236)
- Thanh lý, nhượng bán	(92.192.123)	-	(90.761.270)	-	(256.614.894)	(439.568.287)
- Giảm khác (*)	(165.180.170)	(92.092.307)	(34.076.772)	(117.992.700)	-	(409.341.949)
Số dư cuối năm	3.741.363.603	985.308.618	6.770.102.774	78.411.000	21.729.854.958	33.305.040.953
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.968.167.641	710.087.344	3.980.714.299	141.627.056	10.002.313.364	17.802.909.704
Số tăng trong năm	71.949.474	46.059.983	249.521.201	10.374.433	768.989.937	1.146.895.028
- Khấu hao trong năm	71.949.474	46.059.983	249.521.201	10.374.433	768.989.937	1.146.895.028
Số giảm trong năm	(252.464.886)	(83.308.307)	(124.838.042)	(108.242.700)	(46.824.028)	(615.677.963)
- Thanh lý, nhượng bán	(92.192.123)	-	(90.761.270)	-	(46.824.028)	(229.777.421)
- Giảm khác (*)	(160.272.763)	(83.308.307)	(34.076.772)	(108.242.700)	-	(385.900.542)
Số dư cuối năm	2.787.652.229	672.839.020	4.105.397.458	43.758.789	10.724.479.273	18.334.126.769
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	561.796.255	238.723.763	1.403.881.062	54.776.644	8.764.968.028	11.024.145.752
Tại ngày cuối năm	953.711.374	312.469.598	2.664.705.316	34.652.211	11.005.375.685	14.970.914.184

(\*) Điều chỉnh các TSCĐ không đủ điều kiện sang chi phí chờ phân bổ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.741.508.501 VND.

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.331.115.826	8.325.093.515
- Dự án trồng cây cao su ở công trình Xuân Hòa	6.331.115.826	8.325.093.515
Mua sắm tài sản cố định	-	50.000.000
- Mua xe Toyota	-	50.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	149.341.000	-
- Sửa chữa nâng cấp đường vận chuyển mù đội Xuân Lộc	149.341.000	-
	<u>6.480.456.826</u>	<u>8.375.093.515</u>

8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	45.000.000.000	45.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	25.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý khu liên hợp Công nông nghiệp	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Phát triển Đô thị Tam Phước	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>45.000.000.000</u>	<u>45.000.000.000</u>

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	69.682.935	308.251.957
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.520.196.224	3.535.790.500
Thuế Thu nhập cá nhân	7.238.927	466.826.959
	<u>1.597.118.086</u>	<u>4.310.869.416</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước phí kiểm toán	50.000.000	44.000.000
	<u>50.000.000</u>	<u>44.000.000</u>



**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	31.625.303.652	17.491.248.831	10.107.929.574	1.335.229.291	160.559.711.348
Lãi trong năm trước	-	-	-	32.023.846.937	-	32.023.846.937
Trích lập các quỹ	-	-	3.202.384.694	(3.202.384.694)	-	-
Nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN tại Tổng Công ty	-	(31.625.303.652)	-	(9.629.480.782)	-	(41.254.784.434)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(4.749.202.791)	-	(4.749.202.791)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	-	20.693.633.525	24.550.708.244	1.335.229.291	146.579.571.060
Lãi trong năm nay	-	-	-	23.285.938.677	-	23.285.938.677
Trích lập các quỹ (1)	-	6.985.781.603	-	(6.985.781.603)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	(7.824.989.166)	-	(7.824.989.166)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành (1)	-	-	-	(144.500.000)	-	(144.500.000)
Kết chuyển nguồn (2)	-	45.244.341.769	(20.741.478.404)	(24.502.863.365)	-	-
Tăng khác (3)	-	-	47.844.879	(47.844.879)	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	52.230.123.372	-	8.330.667.908	1.335.229.291	161.896.020.571

(1) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 và thực hiện xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận được chia theo vốn chủ sở hữu theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31/12/2013.

(2) Trích lập thêm quỹ dự phòng tài chính theo Biên bản kiểm tra số 02A/BB-TCTCNTP ngày 16/01/2014 của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Năm 2013	Tỷ lệ (%)	Năm 2012	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000	100,00%
	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000	100,00%



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	52.230.123.372	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	20.693.633.525
	<u>52.230.123.372</u>	<u>20.693.633.525</u>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán mù sơ chế	64.461.200.000	77.085.400.000
Doanh thu bán mù tạp	1.073.040.000	1.205.720.000
	<u>65.534.240.000</u>	<u>78.291.120.000</u>

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn mù sơ chế	39.795.954.844	45.919.276.566
Giá vốn mù tạp	687.415.117	885.381.000
	<u>40.483.369.961</u>	<u>46.804.657.566</u>

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	5.838.916.290	10.209.008.092
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.900.000.000	-
	<u>7.738.916.290</u>	<u>10.209.008.092</u>

15 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	242.680.647	317.283.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.597.000	41.164.500
	<u>296.277.647</u>	<u>358.448.328</u>

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	646.689.792	402.482.488
Chi phí nhân viên	4.538.423.912	5.340.545.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.184.777	17.661.620
Thuế, phí, lệ phí	1.369.708.535	1.012.684.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.602.281	283.144.923
Chi phí khác bằng tiền	841.960.231	299.150.074
	<u>7.693.569.528</u>	<u>7.355.669.353</u>

17 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý vườn cây	5.027.370.000	9.067.420.000
Thu bồi thường dự án đường dây điện	768.018.996	-
Thu nhập khác	30.517.619	23.410.000
	<u>5.825.906.615</u>	<u>9.090.830.000</u>

18 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	209.790.865	365.810.263
Chi phí khác	1.470.001	7.910.000
	<u>211.260.866</u>	<u>373.720.263</u>

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.414.584.903	42.698.462.582
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.900.000.000)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.900.000.000)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	28.514.584.903	42.698.462.582
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.128.646.226	10.674.615.645
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>7.128.646.226</u>	<u>10.674.615.645</u>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.535.790.500	6.015.132.738
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.144.240.502)	(13.153.957.883)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>1.520.196.224</u>	<u>3.535.790.500</u>

## 20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.136.693.002	-	78.890.000.089	-
Đầu tư dài hạn	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
	<u>134.136.693.002</u>	<u>-</u>	<u>123.890.000.089</u>	<u>-</u>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			77.580.000	-
Chi phí phải trả			50.000.000	44.000.000
			<u>127.580.000</u>	<u>44.000.000</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.136.693.002	-	-	89.136.693.002
Đầu tư dài hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
	<u>89.136.693.002</u>	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>134.136.693.002</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.890.000.089	-	-	78.890.000.089
Đầu tư dài hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
	<u>78.890.000.089</u>	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>123.890.000.089</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	77.580.000	-	-	77.580.000
Chi phí phải trả	50.000.000	-	-	50.000.000
	<u>127.580.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127.580.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	-	-	-	-
Chi phí phải trả	44.000.000	-	-	44.000.000
	<u>44.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.000.000</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**21. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
<b>Cho vay vốn</b>			
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	50.000.000.000
<b>Nhận lại vốn cho vay</b>			
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	50.000.000.000
<b>Nhận lãi tiền vay</b>			
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	5.180.222.223
<b>Nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty</b>			
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	41.254.784.434
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
Thu nhập của Hội thành viên và Ban Giám đốc		1.156.000.000	489.000.000

## 23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán AASC (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Đăng Tấn





